TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

Bản án số:19/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/5/2019
Vụ án:“ Ly hôn
Chia tài sản khi ly hôn”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà : Bà **Trần Thị Mai**

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông **Đặng Văn Đê**
Bà **Vũ Thị Phương Hạnh**

-Thư ký phiên toà: Bà **Hồ Thị Thắm** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Bà **Khuất Thị Thu Hà** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số: 513/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về “Ly hôn – Chia tài sản khi ly hôn*”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐST –HNGĐ ngày 18/4/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị A** - SN 1959 (có mặt)
HKTT và nơi cư trú: Số nhà 484/16/20 đường S, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bị đơn: Ông **Đinh Quốc P** - SN 1947 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 14, khu phố H, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn, bà Trần Thị A trình bày:

Bà quen biết ông P từ năm 2005, đến năm 2006 thì kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Hôn nhân hoàn toàn

tự nguyện, không bị ai ép buộc. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2012, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do con gái riêng của ông P sau khi về ở với vợ chồng bà đã cư xử quá đáng với bà, coi thường bà. Bà cũng đã nói chuyện với con riêng của ông P nhưng vẫn không thay đổi thái độ với bà. Khi bà về bắc thì ông P ở nhà chia đất cho con riêng của ông P, không có mặt bà. Phần đất còn lại, bà yêu cầu được đứng tên chung nhưng ông P không đồng ý. Nay bà xét thấy không còn tình cảm gì với ông P nữa, nên yêu cầu:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Đinh Quốc P

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Bà và ông P có những tài sản chung như sau:

- Nhà cấp 4 tọa lạc tại tổ 14 phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Nhà này được xây dựng năm 2008, diện tích 70m^2

- Công trình phụ, diện tích 30m^2 (xây dựng năm 2008); mái hiên 60m^2 (xây dựng năm 2018); 08 gian chuồng lợn(xây dựng năm 2017) 01 giếng khơi có cống (xây dựng năm 2008) ; 01 hồ nước (xây dựng năm 2008), 02 hố ga (xây dựng năm 2005); 02 chuồng gà (xây năm 2009); 01 bếp củi lợp proximang; cổng; hàng rào; cây mít (10 cây trồng năm 2012 và 10 cây trồng năm 2016); đinh lăng 1 vườn (1/2 vườn trồng năm 2013 và ½ vườn trồng năm 2008) và còn 01 số trồng năm 2017; xoài (6 cây, trồng năm 2015); 3 cây vú sữa (trồng năm 2012); 01 cây bơ (trồng năm 2012); chuối 10 cụm (trồng năm 2013); hoa mai (10 cây, trồng năm 2008)

Bà yêu cầu chia đôi toàn bộ tài sản trên theo quy định của pháp luật. Bà yêu cầu được chia bằng tiền.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[2] **<u>Bị đơn, ông Đinh Quốc P trình bày:</u>**

Về điều kiện kết hôn như lời bà A trình bày là đúng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng ông chung sống với nhau hạnh phúc. Về con gái riêng của ông thì không hỗn hào gì với bà A, chỉ có việc xưng hô nhưng sau đó ông cũng đã chấn chỉnh và con gái ông cũng kêu bà A bằng Dì. Còn về việc bà A đòi đứng tên trong giấy tờ đất thì ông cũng dự định để thời gian ông sẽ làm thủ tục cho bà được đứng tên chung nhưng bà A nôn nóng, đòi phải làm ngay. Không những vậy, bà A yêu cầu ông phải mời con gái riêng của bà A lên dự phiên họp chia đất cho các con ông nhưng ông không đồng ý. Từ tháng 11/2018, sau cuộc họp gia đình chia đất cho các con ông thì bà A về thành phố V sống với con gái riêng. Nay bà A yêu cầu ly hôn ông cũng đồng ý ly hôn vì bà A đã làm cho ông nhục nhã quá.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung:

- Về nhà cấp 4 thì đúng như lời bà A trình bày
- Về công trình phụ xây dựng năm 2008 diện tích không đến 30m^2
- Mái hiên xây dựng năm 2018, diện tích 40m2
- 08 gian chuồng lợn xây dựng năm 2017
- 01 giếng khơi xây dựng năm 2008, 06 ống cống xây năm 2008
- 01 hồ nước xây năm 2008
- 02 hồ chứa phân năm 2017

- 02 chuồng gà (xây năm 2009); 01 bếp củi lợp proximang; cổng; hàng rào; cây mít (10 cây trồng năm 2012 và 10 cây trồng năm 2016); đinh lăng 1 vườn (1/2 vườn trồng năm 2013 và ½ vườn trồng năm 2008) và còn 01 số trồng năm 2017; xoài (6 cây, trồng năm 2015); 3 cây vú sữa (trồng năm 2012); 01 cây bơ (trồng năm 2012); chuối 10 cụm (trồng năm 2013); hoa mai (10 cây, trồng năm 2008)

Về tài sản chung, ông cũng đồng ý chia đôi nhưng ông yêu cầu chia theo hiện vật

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa:

[3.1] Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền thụ lý: Đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 35, 39 BLTTDS năm 2015;

- Về xác định tư cách những người tham gia tố tụng: Thực hiện đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS;

- Về xác minh, thu thập chứng cứ: Tòa đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về tiến hành lấy lời khai của đương sự, tiến hành hòa giải và các thủ tục khác theo đúng quy định BLTTDS;

- Về trình tự thụ lý: Tòa thụ lý đúng theo quy định tại Điều 195,196 BLTTDS

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án giải quyết đúng theo quy định tại Điều 203 BLTTDS;

- Về cấp tống đạt các văn bản tố tụng: Việc tống đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định;

- Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS về xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân sơ thẩm;

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã tuân thủ đúng quy định và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng

[3.2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, cho rằng yêu cầu của phía nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở nên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật Tố tụng:

Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn – *Chia tài sản khi ly hôn*"; bị đơn có nơi cư trú tại tổ 14, khu phố H, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

[2] Về Áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của bà Trần Thị A, yêu cầu được ly hôn với ông Đinh Quốc P thì thấy:

Bà A và ông P có đăng ký kết hôn vào năm 2006, tại UBND phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đề ngày 14/11/2006 do bà A xuất trình nên hôn nhân giữa bà A và ông P là hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của bà A và ông P là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo quy định của pháp luật.

Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống với nhau bình thường. Theo bà A thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2012 cho đến nay. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do con gái riêng của ông P cư xử không đúng mực với bà, coi thường bà; thời gian bà về Bắc thì ông P chia đất cho các con riêng của ông P mà không có mặt bà; phần đất còn lại bà yêu cầu được đứng tên chung với ông P nhưng ông P không đồng ý. Ông P xác nhận về mâu thuẫn vợ chồng cũng đúng như lời bà A trình bày và ông cũng đồng ý ly hôn vì ông cũng không còn tình cảm gì với bà A nữa.

Xét thấy lời khai của bà A phù hợp với lời khai của ông P, do đó có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn giữa bà A và ông P là có thật; mâu thuẫn giữa bà A và ông P là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung với nhau nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A.

[2.2] Về con chung: Bà A và ông P không có con chung nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung:

Theo biên bản định giá ngày 05/3/2019 và xác nhận của bà A, ông P thì tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà A và ông P cụ thể như sau:

* Về cây trồng: 05 cây mít loại B, trị giá 2.345.000đ; 05 cây mít loại C, trị giá 3.695.000đ; 01 vườn cây Đinh lăng cao 01m giá 18.000.000đ; 06 cây xoài loại C trị giá 6.912.000đ; 02 cây vú sữa 5 năm trị gía 688.000đ; 01 cây bơ 04 năm trị giá 662.000đ; 20 cây chuối cao 1,6m trị giá 540.000đ; 20 cây chuối nhỏ dưới 01 m trị giá 60.000đ; 01 cây vú sữa loại C trị giá 754.000đ; 10 cây mai vàng Pi 5 cao 2m trị

giá 2.500.000đ; 02 cây bưởi loại C trị giá 1.210.000đ; 02 cây nhãn 3 năm trị giá 368.000đ; 04 cây cam 3 năm trị giá 656.000 đ; 2 cây chanh 2 năm trị giá 173.000đ; 03 cây tắc 3 năm trị giá 519.000đ; 2 cây khế 02 năm trị giá 152.000đ

* Về vật kiến trúc có trên đất:

Nhà 01 tầng loại 3, mái tole, trần tole lạnh, nên gạch bông, tường quét vôi, cửa sắt kính, diện tích (7,6 x 15) x 2.605.000đ x 60% = 178.182.000đ

Công trình phụ: mái che tole, nền bê tông, diện tích (7,6m x 4,5m) x 457.000đ x 60% = 9.378.000đ

Chuồng heo (10,5m x 4m) + (12m x 3,8m) x 529.000 đ x 40% = 18.536.000đ

Nhà bếp mái che tole nền xi măng diện tích (4m x 3m) x 392.000đ x 40%= 1.882.000đ

Hồ xây gạch: (5m x 3,2m x0,1m) x 1.437.000đ x 40% = 920.000đ

Hố ga xây gạch: (4m x 2,4m x 0,1m) x 1.437.000đ x 40% = 552.000đ

Chuồng gia súc: (16m x 2m + 1,5m x 1,4m) x 191.000 đ x 40% = 405.000đ

Giếng đào 06 cống Pi 1000 ; 6 x 1.339.000đ x 40% = 3.214.000 đ

Sân bê tông: (8,5m x 5,2m + 12m x 3m) x 192.000đ x 50% = 7.690.000đ

Trụ cổng xây gạch 2 x (0,4m x 0,4m x 2,4m) x 2.471.000đ x 50% = 949.000đ

Cổng sắt: 2,8m x 2,2m x 201.000đ x 50% = 619.000đ

Hàng rào móng đá hộc trụ bê tông gắn lưới B40 cao 2m, dài 70m: 70m x 409.000đ x 50% = 14.315.000đ

Hàng rào móng đá hộc tường xây gạch cao 2m, dài 68m : 68m x 535.000đ x 50% = 18.190.000đ

Hố ga xây gạch (4m x 2,4m x 0,1m) x 1.437.000 đ x 40% = 552.000 đồng

* Về vật dụng:

01 tủ lạnh mua năm 2016, giá trị còn lại là 1.200.000 đ

01 bàn thờ trị giá 13.500.000đ

01 bàn inox kiểu tròn trị giá 300.000đ

10 cái ghế nhựa trị giá 200.000đ

01 bộ bàn ghế đá tròn trị giá 500.000đ

Theo bà A và ông P thì sau khi kết hôn, cả hai ông bà cùng nhau tạo dựng nên khối tài sản chung nêu trên, do đó bà A và ông P đều đồng ý chia đôi khối tài sản chung của ông bà là phù hợp với quy định tại Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tuy nhiên, bà A yêu cầu được chia bằng tiền, trong khi ông P cho rằng hiện ông không có tiền để giao cho bà A nên ông yêu cầu chia bằng hiện vật, do đó giữa hai bên đã xảy ra tranh chấp. Theo quy định tại khoản 3 Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì "Tài sản chung của vợ chồng được chia bằng hiện vật, nếu không chia bằng hiện vật thì chia theo giá trị; bên nào nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần mình được hưởng thì phải thanh toán cho bên

kia phần chênh lệch", trong khi đó, đa số tài sản chung của bà A và ông P là cây cối, vật kiến trúc có trên đất, một số vật dụng hiện ông P đang sử dụng, mà đất thuộc quyền sử dụng của ông P. Từ phần tích trên, xét thấy yêu cầu của bà A được nhận bằng tiền là có cơ sở nên chấp nhận. Tổng giá trị tài sản chung của bà A và ông P là 309.818.000đ; do đó ông P được toàn quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản trên và có trách nhiệm giao lại cho bà A số tiền là 154.909.000đ là phù hợp.

[2.4] Về nợ chung: Bà A và ông P không yêu cầu nên HĐXX không xem xét

[3] Chi phí thẩm định, định giá và án phí DSST:

[3.1] Về chí phí thẩm định, định giá: Chi phí thẩm định, định giá là 1.400.000đ; căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bà A, ông P mỗi người phải nộp ½ chi phí thẩm định, định giá; do đó bà A phải nộp 700.000đ; ông P phải nộp 700.000đ; vì bà A đã nộp toàn bộ chi phí thẩm định, định giá nên ông P có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà A số tiền 700.000đ

[3.2] Án phí Dân sự sơ thẩm:

Bà A, ông P là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí cho bà A, ông P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 165; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 38; Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị A đối với ông Đinh Quốc P về việc "Ly hôn – Chia tài sản khi ly hôn".

[1.1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị A và ông Đinh Quốc P thuận tình ly hôn

[1.2] Về con chung: Bà Trần Thị A và ông Đinh Quốc P không có con chung

[1.3] Về tài sản chung:

+ Ông Đinh Quốc P được toàn quyền sử dụng, định đoạt các tài sản sau:

- Về cây trồng: 05 cây mít loại B; 05 cây mít loại C; 01 vườn cây Đinh lăng cao 01m; 06 cây xoài loại C; 02 cây vú sữa 5 năm; 01 cây bơ 04 năm trị giá; 20 cây chuối cao 1,6m trị; 20 cây chuối nhỏ dưới 01 m; 01 cây vú sữa loại C trị giá; 10 cây

mai vàng Pi 5 cxao 2m; 02 cây bưởi loại C; 02 cây nhãn 3 năm; 04 cây cam 3 năm; 2 cây chanh 2 năm; 03 cây tắc 3 năm; 2 cây khế 02 năm

- Về vật kiến trúc có trên đất:

Nhà 01 tầng loại 3, mái tole, trần tole lạnh, nên gạch bông, tường quét vôi, cửa sắt kính, diện tích (7,6m x 15m)

Công trình phụ: mái che tole, nền bê tông, diện tích (7,6m x 4,5m)

Chuồng heo (10,5m x 4m) + (12m x 3,8m)

Nhà bếp mái che tole nền xi măng diện tích (4m x 3m)

Hồ xây gạch: (5m x 3,2m x0,1m); Hố ga xây gạch: (4m x 2,4m x 0,1m); Chuồng gia súc: (16m x 2m + 1,5m x 1,4m); Giếng đào 06 cống Pi 1000; Sân bê tông: (8,5m x 5,2m + 12m x 3m); Trụ cổng xây gạch 2 x (0,4m x 0,4m x 2,4m) Cổng sắt: 2,8m x 2,2m; Hàng rào móng đá hộc trụ bê tông gắn lưới B40 cao 2m, dài 70m; Hàng rào móng đá hộc tường xây gạch cao 2m, dài 68m; Hố ga xây gạch (4m x 2,4m x 0,1m);

- Về vật dụng: 01 tủ lạnh mua năm 2016; 01 bàn thờ; 01 bàn inox kiểu tròn; 10 cái ghế nhựa; 01 bộ bàn ghế đá tròn

+ Ông Đinh Quốc P có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị A số tiền 154.909.000đ (một trăm năm mươi tư triệu, chín trăm lẻ chín ngàn đồng)

[1.4] Về nợ chung: Bà Trần Thị A và ông Đinh Quốc P không yêu cầu.

[2] Về Chi phí thẩm định, định giá và Án phí dân sự sơ thẩm:

[2.1] Về Chi phí thẩm định, định giá tài sản: Ông Đinh Quốc P có trách nhiệm hoàn trả cho bà Trần Thị A số tiền 700.000đ (bảy trăm ngàn đồng)

[2.2] Về Án phí HNST:

Bà Trần Thị A và ông Đinh Quốc P được miễn toàn bộ án phí.

Hoàn lại cho bà Trần Thị A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.375.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số TU/2017/0009695 và 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số TU/2017/0009696 cùng ngày 13/12/2018, của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bà Rịa

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm

Tính từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả thêm số tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

"Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BR- VT;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- THA Dân sự TP Bà Rịa;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Mai